

BÁO CÁO**tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X)
về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa,
hiện đại hóa đất nước”**

Thực hiện Công văn số 04-CV/BCĐTW và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 25/4/2017 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 11-NQ/TW về việc tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định báo cáo kết quả thực hiện như sau:

Phần thứ nhất**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW****I - CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VIỆC QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Sau khi Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 03/12/2007 thực hiện Nghị quyết; tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết trong cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng triển khai quán triệt nội dung Nghị quyết trong toàn Đảng bộ.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các ban, ngành, đoàn thể đã tổ chức quán triệt nghiêm túc Nghị quyết số 11-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của tỉnh đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung về công tác phụ nữ theo tinh thần nghị quyết.

Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh ban hành Kế hoạch số 04/KH-PN ngày 14/01/2008 về thực hiện Chương trình hành động của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

đất nước” với các chỉ tiêu và giải pháp cụ thể; chỉ đạo 100% tổ chức Hội trên địa bàn xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện với các nội dung cụ thể thiết thực; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung nghị quyết đến đông đảo cán bộ, hội viên, phụ nữ. Chú trọng lồng ghép việc kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị với kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội, Điều lệ Hội.

Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW được các cấp ủy đảng quan tâm đưa vào Chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm, hoặc lồng ghép trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận, quyết định của Đảng về công tác dân vận, công tác Mặt trận, các đoàn thể. Qua kiểm tra, giám sát đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị tiếp tục phát huy ưu điểm, kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế và đề ra các biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả hơn trong thời gian đến. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị sơ kết 5 năm thực hiện nghị quyết và chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời chỉ đạo các cấp ủy đảng tổ chức sơ kết ở cấp mình.

II - KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành trong hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đối với công tác phụ nữ và bình đẳng giới

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh đã tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật các cấp, hòa giải viên cơ sở thường xuyên được củng cố, kiện toàn, là lực lượng nòng cốt, cùng với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh, hội liên hiệp phụ nữ các cấp và các cơ quan chức năng thường xuyên tuyên truyền, phổ biến Luật bình đẳng giới, Luật hôn nhân - gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình và các nghị định của Chính phủ về công tác phụ nữ và bình đẳng giới, góp phần quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới trong các tầng lớp nhân dân⁽¹⁾.

Trường Chính trị tỉnh và trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị xã, thành phố đã đưa nội dung về công tác phụ nữ và bình đẳng giới vào chương trình đào tạo. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định thực hiện “Chương trình phát thanh phụ nữ” với các nội dung thiết thực về bình đẳng giới và công tác thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, giải đáp các ý kiến, thắc mắc của hội viên, phụ nữ về những vấn đề liên quan đến pháp luật bình đẳng giới. Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh các hoạt động

⁽¹⁾ Hiện nay báo cáo viên phụ nữ, toàn tỉnh có 147 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 79 báo cáo viên pháp luật cấp huyện, 1.227 tuyên truyền viên pháp luật cơ sở, 1.032 tổ hòa giải với 7.184 hòa giải viên.

tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức về giới và sự tiến bộ của phụ nữ; đưa tin, bài, phóng sự phản ánh về thực hiện chính sách bình đẳng giới của địa phương; đồng thời giới thiệu gương người tốt, việc tốt, nhân rộng những tập thể, cá nhân điển hình thực hiện tốt công tác phụ nữ và bình đẳng giới; đấu tranh, lên án, phê phán tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi bạo lực, phân biệt đối xử, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em.

Ban vì sự tiến bộ phụ nữ, hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao nhận thức cho phụ nữ về bình đẳng giới. Thường xuyên đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, phổ biến, cập nhật và chọn lọc những nội dung cơ bản, thiết thực, phù hợp với nguyện vọng của hội viên phụ nữ gắn với các buổi sinh hoạt định kỳ, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt của các câu lạc bộ... Nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ngày Quốc tế Phụ nữ đã tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng như: Hội thi “Phụ nữ tìm hiểu pháp luật”; tọa đàm: “Phòng, chống bạo lực gia đình”, “Tìm hiểu đạo đức, lối sống gia đình Việt Nam”, tìm hiểu Đề án 343 về “Tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức Phụ nữ Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”... thu hút đông đảo cán bộ, hội viên, phụ nữ tham gia hưởng ứng.

Qua các hoạt động trên đã góp phần tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cấp ủy đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và của cán bộ, đảng viên về bình đẳng giới và về công tác phụ nữ trong thời kỳ mới.

2. Thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ

Các cấp, các ngành đã triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới và Pháp lệnh Dân số, Chiến lược Chăm sóc - Bảo vệ trẻ em, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020, đảm bảo tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ trên nhiều lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực: lao động - việc làm, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ, trẻ em... Lồng ghép hoạt động bình đẳng giới vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị; tạo điều kiện thực hiện tốt các chính sách như: chính sách cán bộ nữ, công tác giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt cho phụ nữ, hỗ trợ phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn, giải quyết việc làm... Tăng cường công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, nhất là phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật, phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Hàng năm, hội liên hiệp phụ nữ các cấp phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh, Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật các huyện và câu lạc bộ trợ giúp pháp lý các xã, phường, thị trấn tổ chức các đợt truyền truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý đến địa bàn thôn, khối phố, tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận nhiều hơn các chủ trương, chính sách, pháp luật cần thiết trong đời sống xã hội. Trong 10 năm qua, đội ngũ

làm công tác trợ giúp pháp lý của tỉnh đã phối hợp tổ chức 515 cuộc trợ giúp pháp lý lưu động cho phụ nữ.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nữ được quan tâm hơn. Các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp, tạo điều kiện cho phụ nữ được học nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm, góp phần nâng cao chất lượng lao động nói chung và lao động nữ nói riêng. Đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở dạy nghề; huy động các nguồn lực cho công tác đào tạo nghề; thực hiện xã hội hoá đào tạo nghề, triển khai các đề án đào tạo lao động có tay nghề, chất lượng cao, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số, người khuyết tật, lao động trong các hộ nghèo...⁽²⁾

Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình được đẩy mạnh, nhiều mô hình, hình thức giúp phụ nữ thoát nghèo được duy trì và phát triển sâu rộng trong cộng đồng; các phong trào phụ nữ giúp nhau làm kinh tế đem lại hiệu quả thiết thực, bình quân mỗi năm có 17.083 phụ nữ nghèo làm chủ hộ được giúp và có 2.846 phụ nữ nghèo làm chủ hộ thoát nghèo, góp phần tích cực giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh (*bình quân 2%/năm*); quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay xóa đói, giảm nghèo qua kênh Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh quản lý, các nguồn vốn ủy thác của ngân hàng chính sách xã hội, tín chấp của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế..., góp phần tích cực giảm dần tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh.

Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực phát huy vai trò trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới. Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ “Quy định trách nhiệm của bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước” các cấp được thành lập và đã xây dựng Quy chế phối hợp hoạt động giữa ủy ban nhân dân và hội liên hiệp phụ nữ cùng cấp; qua đó, phát huy vai trò của hội liên hiệp phụ nữ trong hội đồng nghĩa vụ quân sự, hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật, trong tham gia đóng góp vào các chương trình, mục tiêu, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, các chính sách an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt là chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn được phổ cập giáo dục phổ thông, cử tuyển, tiếp cận thông tin, hưởng thụ văn hóa, duy trì bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng

⁽²⁾ Hiện nay, tổng số CNVCLĐ nữ 53.235/116.532 người, chiếm 45,6% tổng số CNVCLĐ toàn tỉnh. Bình quân mỗi năm tuyển sinh đào tạo, bồi dưỡng nghề được 24.918 người, trong đó có khoảng 40% lao động nữ. Trong 10 năm, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã hoàn thành việc mở rộng xây dựng cơ sở 2 với diện tích gần 1.200m²; đầu tư trang thiết bị dạy nghề mới phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội; đã đào tạo 5.167 lao động nữ, giới thiệu 4.107 lao động nữ sau đào tạo có việc làm ổn định.

động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu. Việc tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Nghị định 56/NĐ-CP của Chính phủ về quy định trách nhiệm của bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật

3.1 - Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu

Các cấp ủy đảng trong tỉnh đã chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể cùng cấp đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm cung cấp, hỗ trợ phụ nữ về kiến thức, kỹ năng xây dựng gia đình với 4 chuẩn mực “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, phòng chống bạo lực gia đình... Trong đó, xác định tầm quan trọng của gia đình và công tác xây dựng gia đình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đánh giá cao vai trò người phụ nữ trong gia đình. Hàng năm có trên 91% hộ gia đình được công nhận là gia đình văn hóa (năm 2014: 91,44%; năm 2015: 93,8%, năm 2016: 95%).

Hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã chú trọng đổi mới công tác chỉ đạo, tổ chức Phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”, Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với các phong trào thi đua, các cuộc vận động như: phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; phụ nữ giúp nhau xoá đói, giảm nghèo; các phong trào vì người nghèo, mái ấm tình thương; xây dựng nông thôn mới; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, theo hướng bám sát nhiệm vụ chính trị, mang lại kết quả cao, thu hút đông đảo các tầng lớp phụ nữ tích cực hưởng ứng.⁽³⁾

Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ từng bước được cải thiện, chị em đã được quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ, nhất là nữ thanh niên, vị thành niên; trang bị kiến thức nuôi dạy con cho các bà mẹ, hạn chế trẻ em bị suy dinh dưỡng, phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống HIV/AIDS. Trẻ em được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin hàng năm đạt trên 95%; tỷ suất sinh hàng năm giảm 0.08%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh

⁽³⁾ Năm 2016 có 182.639 cán bộ, hội viên (76,58%) và 75.183 phụ nữ (71%) đạt tiêu chuẩn 3 phong trào thi đua. Hưởng ứng đợt thi đua “Làm theo Bác, thực hành tiết kiệm, giúp nhau giảm nghèo bền vững” có 848.669 lượt người tham gia, thu được 131.355.867.000 đồng, giúp cho 191.071 hội viên, phụ nữ nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Phối hợp bồi dưỡng kiến thức nuôi con khỏe, dạy con ngoan, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS cho 377.660 lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ. Tuyên truyền, giáo dục về phẩm chất, đạo đức phụ nữ thời kỳ CNH- HĐH cho 254.580 hội viên, 108.260 lượt phụ nữ.

dưỡng giảm còn 11,1% (*kế hoạch dưới 12%*); trách nhiệm và ý thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể và cán bộ, hội viên, phụ nữ trong bảo vệ chăm sóc trẻ em được nâng lên, trẻ em được tạo mọi điều kiện để phát triển toàn diện. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình; thường xuyên tổ chức các đợt khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho chị em phụ nữ, trẻ em nghèo tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.⁽⁴⁾

3.2 - Việc tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu, các chiến lược quốc gia, đặc biệt là Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Nghị định 56/NĐ-CP của Chính phủ về quy định trách nhiệm của bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật

Ủy ban nhân dân các cấp đã phối hợp với hội liên hiệp phụ nữ cùng cấp tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định 19/2003/NĐ-CP và triển khai thực hiện Nghị định 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước. Phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ tỉnh tuyên truyền bình đẳng giới; tham gia góp ý xây dựng kế hoạch hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh hàng năm và từng giai đoạn. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa đại biểu Mặt trận Tổ quốc và đại biểu phụ nữ các cấp trong tỉnh với lãnh đạo tỉnh về chính sách, pháp luật về Bình đẳng giới, về công tác cán bộ nữ trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần tăng tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV và nữ đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Thực hiện tốt công tác hiệp thương, giới thiệu cán bộ nữ tham gia hội thẩm nhân dân, hòa giải viên, tham gia hòa giải các vụ mâu thuẫn trong nhân dân, tiếp nhận đơn thư và chuyển cơ quan chức năng giải quyết theo đúng quy định pháp luật; tham gia vận động nhân dân trong việc giải phóng mặt bằng để thi công các công trình trọng điểm của tỉnh... Thông qua các hoạt động, hội liên hiệp phụ nữ các cấp đã kịp thời phát hiện, chủ động can thiệp và có ý kiến đề xuất với các ngành chức năng can thiệp, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho phụ nữ.⁽⁵⁾

4. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học nữ có trình độ cao, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Xác định công tác xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ là khâu đột phá trong công tác phụ nữ và bình đẳng giới, các cấp ủy đảng đã

⁽⁴⁾ Tỷ lệ nữ được tiếp cận với dịch vụ y tế đạt trên 98% vào năm 2011. Tất cả trạm y tế đều có nữ hộ sinh có trình độ trung cấp.

⁽⁵⁾ Trong 10 năm, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các cấp hội đã tiếp nhận 3.914 đơn thư của hội viên và quần chúng nhân dân, đã giải quyết 2.606 đơn, chuyển 1.308 trường hợp cho các cơ quan chức năng giải quyết, can thiệp kịp thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ và trẻ em.

quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ nữ ở từng cấp, từng ngành, từng địa phương, đơn vị bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ. Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể về công tác cán bộ nữ từng bước được nâng lên; các quy định về cán bộ nữ, đặc biệt là quy định trong tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ nữ, phát triển đảng viên nữ được quan tâm thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định về việc hỗ trợ cán bộ, công chức đi học nâng cao trình độ về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; khuyến khích cán bộ học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong nước và nước ngoài, trong đó ưu tiên đối với cán bộ nữ, đặc biệt là chính sách đối với cán bộ trẻ, cán bộ có con nhỏ, cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số, cán bộ ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Tỷ lệ phụ nữ tham gia học các lớp đại học và trên đại học ngày càng cao. Từ năm 2007 - 2017, có 15/153 đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh do nữ làm chủ nhiệm đề tài.

5. Xây dựng, củng cố hội liên hiệp phụ nữ vững mạnh, phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ

Các cấp ủy đảng luôn quan tâm chỉ đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức hội liên hiệp phụ nữ các cấp, phân công cấp ủy phụ trách công tác phụ nữ; chỉ đạo xây dựng các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể, tạo bước chuyển biến, hiệu quả công tác phụ nữ ở từng ngành, địa phương, đơn vị; tạo điều kiện để cán bộ hội được đào tạo, bồi dưỡng nhằm tiếp tục chuẩn hóa, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, năng lực làm việc; bố trí cán bộ lãnh đạo hội theo hướng trẻ hóa, có bước luân chuyển cán bộ hội sang vị trí khác để tiếp tục đào tạo. Thường xuyên chỉ đạo các cấp hội đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng “hành chính hóa” với phương châm hướng về cơ sở để xây dựng và phát triển phong trào; thông qua các hoạt động như: hội thi, giao lưu, diễn đàn, văn nghệ, thể dục - thể thao... đã thu hút, tập hợp quần chúng phụ nữ vào tổ chức Hội. Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể các cấp luôn quan tâm, tạo điều kiện và phối hợp với hội liên hiệp phụ nữ trong việc tổ chức các hoạt động.

Hội liên hiệp phụ nữ các cấp trong tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện xã hội trên một số lĩnh vực, góp phần khắc phục những hạn chế trong thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ của chính quyền các địa phương, của các tổ chức⁽⁶⁾. Qua giám sát, phản biện xã hội

⁽⁶⁾ Giám sát việc thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP của Chính phủ; giám sát Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”; giám sát Nghị định 30a/2008/NĐ-CP của Chính phủ; giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phối hợp giám sát về việc thực hiện các chế độ, chính sách cho lao động nữ của chủ các doanh nghiệp; giám sát việc triển khai Luật bình Đẳng giới, việc thực hiện các chế độ chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình; Luật phòng chống bạo lực gia đình; Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới... Tham gia góp ý kiến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em; góp ý kiến xây dựng Bộ luật Lao động (sửa đổi), Luật Đất đai, Hiến pháp 1992 (sửa đổi); tham gia kiến nghị, đề xuất những vấn đề liên quan đến học nghề, việc làm của phụ nữ và vai trò của các cấp Hội trong công tác hòa giải từ cơ sở...

đã kịp thời nắm bắt được những bức xúc, những vấn đề hội viên, phụ nữ và nhân dân quan tâm, kiến nghị, đề xuất đối với các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện và hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ và công tác phụ nữ. Nhiều kiến nghị sau giám sát đã được các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nghiêm túc tiếp thu và thực hiện.

Hội liên hiệp phụ nữ các cấp tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong công tác phụ nữ và bình đẳng giới; không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; có nhiều sáng kiến, đề xuất, tập hợp, vận động các tầng lớp phụ nữ thi đua lao động, sản xuất, công tác, học tập; đồng thời chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần nâng cao nhận thức, trình độ, năng lực của cán bộ, hội viên, góp phần xoá đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ... Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được phát động phù hợp với từng đối tượng, gắn với lợi ích, nhu cầu của các tầng lớp phụ nữ, tạo sự chuyển biến về chất trong phong trào phụ nữ. Tổ chức hội thường xuyên được củng cố, kiện toàn và ngày càng phát triển⁽⁷⁾. Đội ngũ cán bộ hội ngày càng trưởng thành, trẻ hóa, có trình độ, nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong công tác, khẳng định được vai trò của phụ nữ trong việc tham gia công tác lãnh đạo và quản lý các cấp⁽⁸⁾.

III - ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Ưu điểm và nguyên nhân

Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”, nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan trong hệ thống chính trị, xã hội, gia đình và bản thân người phụ nữ về giới, bình đẳng giới, về vai trò, vị trí của phụ nữ và công tác phụ nữ được nâng lên. Hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới tiếp tục được hoàn thiện, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực: lao động sản xuất, kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, xã hội. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh đã quan tâm nhiều hơn đến công tác nữ và mục tiêu bình đẳng giới trên các lĩnh vực. Tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý tăng trên một số lĩnh vực. Trình độ, năng lực, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được nâng lên. Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gia đình được đẩy mạnh; nhiều mô hình, hình thức giúp phụ nữ thoát nghèo được duy trì và phát triển sâu rộng trong cộng đồng. Hội liên hiệp phụ nữ các cấp thường

⁽⁷⁾ Hiện toàn tỉnh có 159 tổ chức Hội cơ sở, 1.131 chi hội và 4.539 tổ phụ nữ. Chất lượng hoạt động của các cơ sở hội ngày càng nâng lên, đến cuối năm 2016 có 74,2% đạt xuất sắc, 23,21% đạt vững mạnh; 2,5% trung bình, không còn cơ sở yếu kém.

Đến cuối năm 2016, toàn tỉnh có 254.587/312.298 hội viên chiếm 81,5% so với tổng số phụ nữ; 100% thôn, khu phố có tổ chức hội và hội viên; 100% xã, phường, thị trấn có lực lượng hội viên nòng cốt với 87.614 hội viên.

⁽⁸⁾ Qua 10 năm có 10.725 chi được công nhận cán bộ hội cơ sở giỏi, có 1.177 cá nhân được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự phát triển của phụ nữ Việt Nam”.

xuyên được củng cố, kiện toàn, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ. Các cấp, các ngành và toàn xã hội cùng quan tâm, chăm lo, giải quyết hiệu quả nhiều vấn đề của phụ nữ, gia đình, thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Công tác cán bộ nữ, công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm và ngày càng trẻ hóa.

Đạt được kết quả nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do: Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên đã nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng và quan tâm hơn đến công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đã triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp mà Nghị quyết số 11-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra; sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phụ nữ; sự nỗ lực phấn đấu của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ và đội ngũ cán bộ phụ nữ các cấp trong tỉnh; sự nỗ lực vươn lên của hội viên phụ nữ và phụ nữ toàn tỉnh.

2. Khuyết điểm, hạn chế và nguyên nhân

Việc tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy có lúc, có nơi chưa được thường xuyên, đồng bộ; công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện Nghị quyết chưa được quan tâm đúng mức. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ và tỉ lệ nữ tham gia cấp ủy, hội đồng nhân dân, tham gia các vị trí lãnh đạo, quản lý nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đạt được chỉ tiêu theo tinh thần Nghị quyết đã đề ra. Công tác phát triển đảng viên nữ ở một số địa phương, đơn vị kết quả thấp. Cán bộ nữ trẻ có trình độ chuyên môn, tay nghề kỹ thuật cao chưa nhiều; số cán bộ nữ làm chủ các đề tài, công trình nghiên cứu khoa học còn ít. Việc thực hiện chức năng đại diện, vai trò nòng cốt của hội liên hiệp phụ nữ một số nơi còn hạn chế, chưa phát huy hết tiềm năng của phụ nữ, chưa chủ động trong tham mưu, đề xuất; còn lúng túng trong thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội.

Những khuyết điểm, hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do: Một số cấp ủy đảng, chính quyền và một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ sâu sắc về công tác phụ nữ và bình đẳng giới, về vị trí, vai trò của phụ nữ trong các mặt của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội; chưa quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác phụ nữ. Việc cụ thể hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phụ nữ một số nơi thiếu đồng bộ, chậm bổ sung; chưa giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội nảy sinh liên quan tới phụ nữ. Vai trò tham mưu của các cấp hội phụ nữ với cấp ủy, sự phối hợp với chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể về công tác phụ nữ và bình đẳng giới còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ nữ, nhất là ở cơ sở còn một số mặt hạn chế nên việc đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý còn gặp khó khăn. Năng lực, trình độ của một bộ phận cán bộ hội, nhất là ở cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác hội trong thời kỳ mới. Một số phong

trào thi đua, cuộc vận động của các cấp hội có lúc, có nơi còn hình thức, hiệu quả chưa cao. Một bộ phận phụ nữ còn có tư tưởng an phận, thiếu ý chí vươn lên. Biểu hiện định kiến giới vẫn còn trong một bộ phận nhân dân.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, nơi nào cấp ủy đảng tập trung chỉ đạo, tổ chức tốt việc học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết một cách nghiêm túc bằng chương trình, kế hoạch cụ thể sát với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và đôn đốc, nhắc nhở thì nơi đó nghị quyết đi vào cuộc sống và mang lại kết quả tích cực.

Hai là, ở đâu cấp ủy, chính quyền quan tâm chăm lo thực hiện công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, mạnh dạn bố trí, đề bạt cán bộ nữ giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý; quan tâm công tác phát triển đảng viên nữ; có những chính sách phù hợp, tạo điều kiện cho cán bộ nữ tham gia học tập, nâng cao trình độ về mọi mặt, thì ở đó phát huy tốt vai trò phụ nữ, chăm lo cho sự phát triển của phụ nữ.

Ba là, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể cần thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với hội liên hiệp phụ nữ để tạo sự thống nhất, đồng bộ trong công tác phụ nữ, bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

Bốn là, trong chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện cần lựa chọn các nội dung có trọng tâm, có tính đột phá, tạo động lực; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng, nhân rộng kịp thời.

Năm là, thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của hội liên hiệp phụ nữ các cấp cho phù hợp với từng lứa tuổi, lĩnh vực công tác, từng địa bàn, khu dân cư; hướng các hoạt động về cơ sở, thiết thực hơn trong việc chăm lo và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, phụ nữ. Các cấp hội cần thực hiện tốt vai trò tham mưu, đề xuất với cấp ủy đảng, chính quyền về công tác hội, về các chủ trương, giải pháp liên quan đến phụ nữ.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHỤ NỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

I - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC PHỤ NỮ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt, phổ biến sâu rộng Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) và Chương trình hành động số 17-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XVII) về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất

nước. Tăng cường lãnh đạo tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giới, thực hiện bình đẳng giới trong từng ngành, địa phương, đơn vị.

2. Chỉ đạo thực hiện tốt và tăng cường giám sát việc thực hiện pháp luật, chính sách về công tác phụ nữ, bình đẳng giới, quan tâm những vấn đề liên quan đến phụ nữ như: lao động - việc làm - dạy nghề, giáo dục - đào tạo, quan hệ dân sự, môi trường, bảo hiểm xã hội, hôn nhân - gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của phụ nữ và trẻ em. Tăng cường công tác phối hợp của chính quyền, các ngành chức năng với hội liên hiệp phụ nữ các cấp trong việc tổ chức thực hiện nghị quyết.

3. Nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phụ nữ, phát huy vai trò nòng cốt xây dựng gia đình “No ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với gia đình, xóa bỏ tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ - trẻ em, bạo lực gia đình. Xây dựng người phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân ái; vận động, hướng dẫn, hỗ trợ phụ nữ rèn luyện các phẩm chất đạo đức “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang”.

4. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ nữ có trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện tốt công tác tạo nguồn, quy hoạch cán bộ nữ trong từng cấp, từng ngành, đơn vị, địa phương theo nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi. Tăng tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, hội đồng nhân dân các cấp và nữ tham gia lãnh đạo, quản lý. Có chính sách cụ thể đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ, coi trọng công tác phát triển đảng viên nữ. Phân công cấp ủy viên trực tiếp phụ trách công tác hội và tham gia lãnh đạo tổ chức hội liên hiệp phụ nữ cùng cấp.

5. Hội liên hiệp phụ nữ các cấp tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động hướng mạnh về cơ sở, chăm lo thiết thực quyền lợi chính đáng hợp pháp của hội viên, đặc biệt ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa, những nơi còn nhiều khó khăn; đa dạng hóa các hình thức tập hợp để phát triển hội viên trong các lĩnh vực; phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong công tác vận động phụ nữ. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực lao động, học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với thực hiện nhiệm vụ công tác hội và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Thực hiện tốt vai trò đại diện, chức năng tham mưu, đề xuất thực hiện chính sách liên quan đến phụ nữ; thực hiện mục tiêu quốc gia và kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tham gia có hiệu quả việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội.

6. Phát huy vai trò của hội liên hiệp phụ nữ và Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp trong việc tham gia giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách có liên quan

đến bình đẳng giới và các chương trình, dự án phát triển kinh tế văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương. Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ với các sở, ngành, đoàn thể trong tuyên truyền nâng cao nhận thức về giới, Luật bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Hôn nhân và gia đình, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011 - 2020.

7. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách... liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới. Các cơ quan thông tin đại chúng cần tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giới và ý thức trách nhiệm thực hiện bình đẳng giới cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân; chú trọng tuyên truyền gương phụ nữ điển hình tiên tiến; lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

II - KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến phụ nữ và công tác phụ nữ. Các bộ, ban, ngành Trung ương rà soát, bổ sung, ban hành nghị định, hướng dẫn và các chính sách liên quan đến phụ nữ phù hợp với thực tiễn hiện nay.

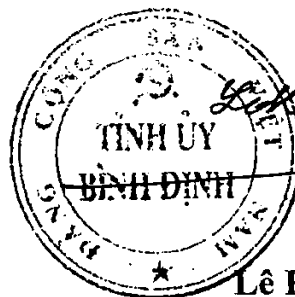
2. Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam kịp thời hướng dẫn sơ kết, tổng kết các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác phụ nữ; tăng cường công tác phối hợp với các bộ, ngành tạo sự đồng bộ trong việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới; tăng cường mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ Hội được tiếp cận những kiến thức, kỹ năng hoạt động để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Hội trong giai đoạn hiện nay.

3. Ủy ban Quốc gia Vì sự tiến bộ phụ nữ phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn về nội dung, phương thức hoạt động cho Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ban Dân vận Trung ương Đảng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Cơ quan TT BDVTW T26 - Đà Nẵng;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- Các ban của Tỉnh ủy;
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng;
- MTTQ, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- CPVP, CVK4;
- Lưu VPTU.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Lê Kim Toàn

HUYỆN ỦY TUY PHƯỚC

*

Số 133-BS/HU

Sao lục

Tuy Phước, ngày 21 tháng 8 năm 2017

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nơi nhận:

- Phó Bí thư TT HU;
- UBND huyện;
- Ban Dân vận HU;
- hội LHPN huyện;
- Lưu VPHU.



Nguyễn Văn Dũng



Kết quả thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X)
Về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”
(Kèm theo Báo cáo số 140-BC/TU ngày 10/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Định)

TT	Nội dung	Kết quả	Yêu cầu
	Kết quả tổ chức triển khai Nghị quyết		
	Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết		
	- Số cuộc hội nghị quán triệt riêng	2.858 cuộc	
	- Số cuộc phối hợp tổ chức quán triệt Nghị quyết trong các Hội nghị chuyên đề khác liên quan	15 cuộc	
	Xây dựng, ban hành Chi thị/ Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện Nghị quyết	- Cấp tỉnh : 01 - Cấp huyện : 11 - Cấp xã : 159	Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 03/12/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”
	Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện ở các sở, ngành và đơn vị cấp dưới tại địa phương	- Hàng năm : - 2 năm/lần : ✓ - 3 năm/lần : - Không kiểm tra, giám sát	Hàng năm kiểm tra lồng ghép với các nội dung khác.
	Tổng số cuộc kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết đã được triển khai trong giai đoạn 2007 - 2017	795 cuộc	

II	Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ		
1	Nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới		
	- Số lượt cán bộ, đảng viên được tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về giới và bình đẳng giới	606.970	
	- Số lượt cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, sở, ban, ngành, đoàn thể được tiếp cận với kiến thức, chương trình về bình đẳng giới.	- Cấp tỉnh : 227 - Cấp huyện : 192 - Cấp xã : 1.500	
	- Số lượt thành viên ban soạn thảo, tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tập huấn về giới	0	
2	Các chính sách về công tác phụ nữ và bình đẳng giới được sở, ngành, đoàn thể ban hành hoặc sửa đổi		
	- Số chính sách đặc thù tạo điều kiện cho phụ nữ ở địa phương được ban hành hoặc sửa đổi	0	
	- Số chương trình, chính sách (về kinh tế, văn hóa, xã hội) của địa phương có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về giới	02	- Quyết định số 3981/QĐ-UBND ngày 03/11/2015 về kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh. - Quyết định số 4351/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 về Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 – 2020 của tỉnh.

<p>Chính sách của địa phương liên quan đến xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc</p>	<p>Có : <input checked="" type="checkbox"/> Không :</p>	<p>- Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 02/7/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em. - Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Chương trình bảo vệ trẻ em tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2015 - Hoạt động cân, đo và tiêm chủng cho trẻ em dưới 5 tuổi nhằm phòng bệnh cho trẻ và hạn chế tỷ lệ tử vong ở trẻ: theo chương trình tiêm chủng mở rộng.</p>
<p>Chính sách của địa phương hỗ trợ thai sản, nhà trẻ, mẫu giáo</p>	<p>Có : <input checked="" type="checkbox"/> Không :</p>	<p>- Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 13/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số và Kế hoạch hóa gia đình. - Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 về Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tại tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2015. - Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 8/11/2011 của UBND tỉnh Bình Định về Đề án chuyển đổi các trường mầm non bán công dân lập sang trường mầm non Công lập. - Đề án can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh của tỉnh Bình Định.</p>
<p>2 Chính sách liên quan đến cán bộ nữ</p>		
<p>- Số cấp ủy xây dựng chiến lược quy hoạch cán bộ nữ trong chiến lược quy hoạch tổng thể về cán bộ của đơn vị mình/tổng số cấp ủy</p>	<p>- Cấp tỉnh : 21/108 - Cấp huyện: 156/768 - Cấp xã : 43/254</p>	
<p>- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ theo từng lĩnh vực gắn với quy hoạch</p>	<p>Có : Không : <input checked="" type="checkbox"/></p>	

	<p>- Chính sách về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển đối với cán bộ nữ, đặc biệt cán bộ nữ là trí thức, công nhân, người dân tộc thiểu số, tôn giáo</p>	<p>Có : <input checked="" type="checkbox"/> Không :</p>	<p>- Quyết định số 44/QĐ-UBND tỉnh ngày 2 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh tế cán bộ đi học. - Quyết định số 59/QĐ-UBND tỉnh ngày 31 của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định về chính sách cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo.</p>
	<p>- Chính sách đặc thù đối với cán bộ nữ công tác vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ đi học có con nhỏ</p>	<p>Có : <input checked="" type="checkbox"/> Không :</p>	<p>- Quyết định số 44/QĐ-UBND tỉnh ngày 2 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh tế cán bộ đi học. - Quyết định số 59/QĐ-UBND tỉnh ngày 31 của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định về chính sách cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo.</p>
2.3	Chính sách đối với phụ nữ		
	<p>- Chính sách hỗ trợ phụ nữ trong đào tạo (đại học, sau đại học), bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tiếp cận thông tin, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới</p>	<p>Có : <input checked="" type="checkbox"/> Không :</p>	<p>- Quyết định số 44/QĐ-UBND tỉnh ngày 24 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh tế cán bộ đi học. - Quyết định số 59/QĐ-UBND tỉnh ngày 31 của Chủ tịch UBND tỉnh Quy định về chính sách cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo.</p>
	<p>- Chính sách hỗ trợ tạo điều kiện xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, xóa đói, giảm nghèo, tiếp cận thông tin, hưởng thụ văn hóa cho phụ nữ dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa.</p>	<p>Có : Không : <input checked="" type="checkbox"/></p>	
		<p>Có : Không :</p>	

	- Chính sách khuyến khích đào tạo nghề cho lao động nữ; giải quyết việc làm cho lao động nữ dư do cổ phần, phụ nữ nông thôn không còn đất canh tác, phụ nữ nghèo, phụ nữ khuyết tật.	Có : Không : <input checked="" type="checkbox"/>	
	- Chính sách khuyến khích hỗ trợ phụ nữ phát triển doanh nghiệp	Có : Không : <input checked="" type="checkbox"/>	
	- Chính sách về nhà ở, chăm lo đời sống cho lao động nữ làm việc tại các khu công nghiệp tập trung	Có : Không : <input checked="" type="checkbox"/>	
.5	Chính sách đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp		
	Quy định về cơ chế để Hội LHPN được tham gia quá trình xây dựng văn bản	Có : Không : <input checked="" type="checkbox"/>	
	Chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện xây dựng củng cố tổ chức Hội LHPN Việt Nam	Có : Không : <input checked="" type="checkbox"/>	
3	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giới		
.1	Lao động, việc làm		
	Tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động	- 2007 : 51,62% - 2012 : 50,02% - 2017 : 48,13%	
	Tỷ lệ lao động nữ được đào tạo chuyên môn kỹ thuật/tổng số người được đào tạo chuyên môn kỹ thuật	- 2007 : 40,05% - 2012 : 45,23% - 2017 : 46,78%	

	Tỷ lệ nữ có việc làm/tổng số người có việc làm	- 2007 : 49,02% - 2012 : 51,73% - 2017 : 48,13%	
	Tỷ lệ thất nghiệp của lao động nữ/tổng số người thất nghiệp	- 2007 : 42,05% - 2012 : 45,9% - 2017 : 48,3%	
	Tỷ lệ nữ giám đốc, chủ doanh nghiệp, chủ trang trại	- 2007 : 26% - 2012 : 31% - 2017 : 35%	
3.2	Lãnh đạo – quản lý		
	- Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng các cấp		
	+ Cấp tỉnh	- NK 2005 – 2010 : 8,16% - NK 2010 – 2015 : 7,27% - NK 2015 – 2020 : 5,46%	
	+ Cấp huyện	- NK 2005 – 2010 : 10,03% - NK 2010 – 2015 : 9,74% - NK 2015 – 2020 : 8,33%	
	+ Cấp xã	- NK 2005 – 2010 : 10,28% - NK 2010 – 2015 : 17,24% - NK 2015 – 2020 : 19,93%	
	- Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội	- Khóa XII : 37,5% - Khóa XIII : 25% - Khóa XIV : 12,5%	

+ Cấp tỉnh	- NK 2006 – 2011 : 21,3% - NK 2011 – 2016 : 15% - NK 2016 – 2021 : 20%	
+ Cấp huyện	- NK 2006 – 2011 : 18,46% - NK 2011 – 2016 : 17,64% - NK 2016 – 2021 : 19,28%	
+ Cấp xã	- NK 2006 – 2011 : 15,34% - NK 2011 – 2016 : 18,41% - NK 2016 – 2021 : 22,31%	
- Số lượng nữ lãnh đạo chủ chốt trong UBND các cấp		
+ Cấp tỉnh	- NK 2006 – 2011 : 01 - NK 2011 – 2016 : 01 - NK 2016 – 2021 : 0	
+ Cấp huyện	- NK 2006 – 2011 : 04 - NK 2011 – 2016 : 03 - NK 2016 – 2021 : 0	
+ Cấp xã	- NK 2006 – 2011 : 32 - NK 2011 – 2016 : 38 - NK 2016 – 2021 : 45	
- Số lượng nữ lãnh đạo chủ chốt trong cơ quan quản lý nhà nước các cấp		
+ Cấp tỉnh	- 2007 : 06 - 2012 : 06 - 2017 : 13	

+ Cấp huyện	- 2007 : 27 - 2012 : 36 - 2017 : 32	
+ Cấp xã	- 2007 : 26 - 2012 : 26 - 2017 : 28	
- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức chính trị - xã hội các cấp		
+ Cấp tỉnh	- 2007 : 20% - 2012 : 30% - 2017 : 35%	
+ Cấp huyện	- 2007 : 27,01% - 2012 : 30,33% - 2017 : 31,33%	
- Địa phương có cấp ủy viên là lãnh đạo Hội phụ nữ cùng cấp		
+ Cấp tỉnh	- NK 2005 – 2010 : Có - NK 2010 – 2015 : Có - NK 2015 – 2020 : Có	
+ Cấp huyện	- NK 2005 – 2010 : Có - NK 2010 – 2015 : Có - NK 2015 – 2020 : Có	
+ Cấp xã	- NK 2005 – 2010 : Có - NK 2010 – 2015 : Có	

	+ Cấp tỉnh	- 2007 : Có - 2012 : Có - 2017 : Có	
	+ Cấp huyện	- 2007 : Có - 2012 : Có - 2017 : Có	
	+ Cấp xã	- 2007 : Có - 2012 : Có - 2017 : Có	
	- Tỷ lệ nữ đảng viên/tổng số đảng viên	- 2007 : 28,24% (11.781/41.708) - 2012 : 31,01% (15.503/49.991) - 2017 : 34,50% (21.963/63.660)	
3	Giáo dục và đào tạo		
	Số lượng nữ tham gia các khóa đào tạo tại các trường lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước (trong tổng số người tham gia đào tạo) trong 5 năm gần đây	- Cử nhân, Cao cấp LLCT: 1.157/5.322 người - Trung cấp chính trị-Hành chính: 2.926/7.481 người	
	Số lượng nữ có trình độ thạc sỹ	2007 – 2017 : 714	
	Số lượng nữ có trình độ tiến sỹ	2007 – 2017 : 35	
	Số lượng nữ có trình độ giáo sư, phó giáo sư	2007 – 2017 : 06	

3.4	Khoa học và công nghệ		
	Số đề tài, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp nhà nước do nữ làm chủ/tổng số đề tài	2007-2017 : 15/153	
3.5	Đời sống gia đình		
	Số trường hợp tảo hôn	2014 – 2017: 173	
	Số trường hợp là phụ nữ kết hôn với người nước ngoài	2007-2017 : 844	
	Số phụ nữ bị bạo lực gia đình được phát hiện	- 2007: 87 - 2012: 150 - 2017: 320	
	Số phụ nữ bị bạo lực gia đình được phát hiện hỗ trợ tư vấn tâm lý, pháp lý, chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình	- 2007: 58 - 2012: 80 - 2017: 168	
3.6	Bảo trợ và an toàn xã hội		
	Số vụ xâm hại tình dục phụ nữ và trẻ em gái được phát hiện	- 2007: 0 - 2012: 0 - 2017: 7	
		- 2007: 0	

		- 2017: 05	
	Số phụ nữ nghiện ma túy có hồ sơ quản lý	- 2012: 40 - 2017: 16	
	Số phụ nữ làm mại dâm có hồ sơ quản lý	- 2012: 113 - 2017: không có	
3.7	Công tác bình đẳng giới		
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh		
	Chuyên trách	- 2007 : 0 - 2012 : 0 - 2017 : 0	
	Kiểm nhiệm	- 2007 : 15 - 2012 : 33 - 2017 : 33	
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp huyện		
	Chuyên trách	- 2007 : 0 - 2012 : 0 - 2017 : 0	
	Kiểm nhiệm	- 2012 : 22 - 2017 : 22	
	- Số lượng cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp xã	- 2012 : 318 - 2017 : 318	